

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Dự toán và Kế hoạch đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công  
sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình quan trắc,  
đánh giá diễn biến chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2020**

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 12/4/2019 của Chính phủ quy  
định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử  
dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ  
Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 13/01/2015 của Chủ tịch UBND  
tỉnh về việc phê duyệt Dự án thiết lập hoàn chỉnh và xây dựng hệ thống thông tin,  
cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn  
tỉnh Bình Phước;*

*Căn cứ Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh về  
việc ban hành đơn giá hoạt động quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Bình  
Phước;*

*Căn cứ Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của Chủ tịch UBND  
tỉnh phê duyệt dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của Chủ tịch UBND  
tỉnh ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước  
ngành Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước;*

*Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 233/TTr-  
STNMT ngày 24/4/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Dự toán và Kế hoạch đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình quan trắc, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2020, cụ thể như sau:



**1. Tổng Dự toán kinh phí thực hiện: 4.946.480.000 đồng** (Bốn tỷ chín trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng). Trong đó:

a) Chương trình quan trắc, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước:

$$90 \text{ mẫu/đợt} \times 02 \text{ đợt} \times 5.911.700 \text{ đồng/mẫu} = 1.064.106.000 \text{ đồng.}$$

b) Chương trình quan trắc, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường nước mặt trên lưu vực sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, sông Bé trên địa bàn tỉnh Bình Phước:

$$90 \text{ mẫu/đợt} \times 02 \text{ đợt} \times 10.438.500 \text{ đồng/mẫu} = 1.878.930.000 \text{ đồng.}$$

c) Chương trình quan trắc, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Bình Phước:

$$120 \text{ mẫu/đợt} \times 02 \text{ đợt} \times 3.289.600 \text{ đồng/mẫu} = 789.504.000 \text{ đồng}$$

d) Chương trình quan trắc, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường nước dưới đất (nước ngầm) trên địa bàn tỉnh Bình Phước:

$$100 \text{ mẫu/đợt} \times 02 \text{ đợt} \times 6.069.700 \text{ đồng/mẫu} = 1.213.940.000 \text{ đồng}$$

## **2. Nội dung Kế hoạch đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công:**

a) Tên Kế hoạch: Thực hiện các Chương trình quan trắc, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2020.

b) Cơ quan đặt hàng: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước.

c) Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

d) Phương thức cung cấp dịch vụ sự nghiệp công: Đặt hàng.

e) Thời gian thực hiện: Trong năm 2020.

g) Kinh phí thực hiện: **4.946.480.000 đồng** (Bốn tỷ chín trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng).

h) Nguồn kinh phí: Kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2020.

i) Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công đặt hàng:

- Chương trình quan trắc, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường đất: Thực hiện quan trắc 08 thông số (As, Cd, Cu, Pb, Zn, Cr và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật gốc clo, gốc phospho) tại 90 điểm/đợt x 01 mẫu/điểm x 02 đợt.



- Chương trình quan trắc, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường mặt trên trên lưu vực sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, sông Bé: Thực hiện quan trắc 27 thông số (pH, DO, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, N-NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, N-NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, N-NO<sub>2</sub><sup>-</sup>, Cl<sup>-</sup>, F<sup>-</sup>, CN<sup>-</sup>, Fe, Cu, Mn, Zn, Pb, Cd, Ni, tổng Cr, Cr<sup>6+</sup>, As, Hg, Coliform, E. Coli, tổng dầu mỡ, tổng phenol, chất hoạt động bề mặt) tại 90 điểm/đợt x 01 mẫu/điểm x 02 đợt.

- Chương trình quan trắc, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường không khí: Thực hiện quan trắc 13 thông số (nhiệt độ, độ ẩm tương đối, tốc độ gió, áp suất, độ ồn, tổng bụi lơ lửng (TSP), NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, Pb, O<sub>3</sub>) tại 120 điểm/đợt x 01 mẫu/điểm x 02 đợt.

- Chương trình quan trắc, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường nước dưới đất (nước ngầm): Thực hiện quan trắc 19 thông số: (pH, độ đục, độ cứng, chất rắn hoà tan (TDS), chỉ số Penmanganat, Clorua (Cl<sup>-</sup>), Amonia (N-NH<sub>4</sub><sup>+</sup>), Nitrit (N-NO<sub>2</sub><sup>-</sup>), Nitrat (N-NO<sub>3</sub><sup>-</sup>), Sulfat (SO<sub>4</sub><sup>2-</sup>), Mangan (Mn), Sắt tổng (Fe), Đồng (Cu), kẽm (Zn), Asen (As), Chì (Pb), Cadimi (Cd), Cyanua (CN<sup>-</sup>), E. Coli.) tại 100 điểm/đợt x 01 mẫu/điểm x 02 đợt.

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai Kế hoạch thực hiện các Chương trình quan trắc, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2020 theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Các ông/bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Sở Tài chính, Sở Tài nguyên Môi trường, Kho bạc Nhà nước Bình Phước, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP, P.KT; P.TH;
- Lưu: VT<sub>(BH-8-QĐ)</sub>.

K. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Nguyễn Anh Minh*